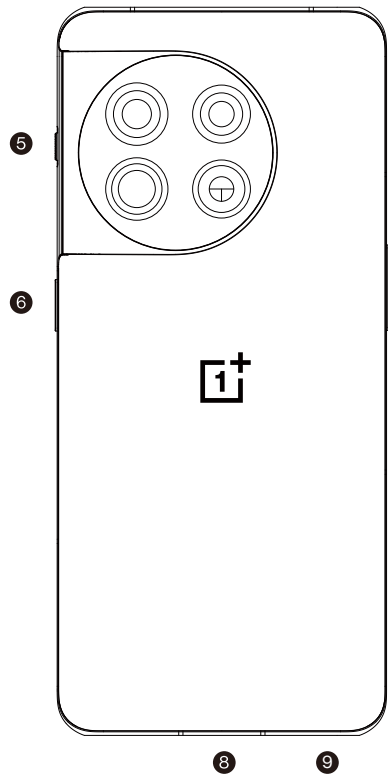
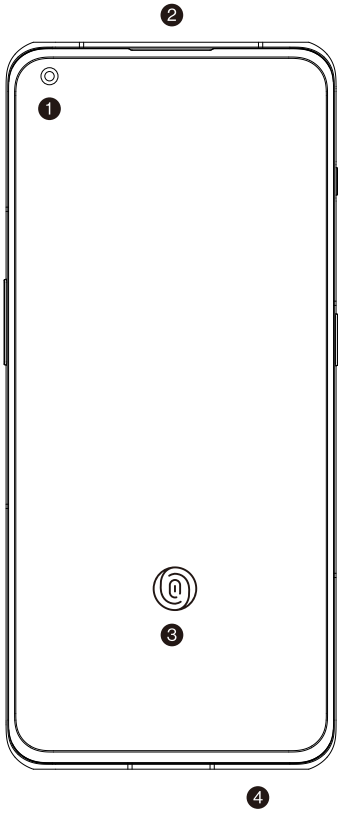


Quick Start Guide



Must Know

- EN:** Front Camera
es-MX: Cámara frontal
VN: Camera trước
TH: กล้องหน้า
HE: מצלמה أمامית
AE: الكاميرا الأمامية
- EN:** Earpiece Speaker
es-MX: Altavoz de auricular
VN: Loa Tầm Cỡ
TH: ลำโพงในตัว
HE: רמקול מובנה
AE: مكبر صوت مدمج
- EN:** In-display fingerprint sensor
es-MX: Sensor de huella digital en pantalla
VN: Cảm biến vân tay
TH: ตัวตรวจจับลายนิ้วมือ
HE: מסך כיוון אצבע
AE: مستشعر بصمات الإصبع
- EN:** Speaker
es-MX: Altavoz
VN: Loa Dài Công
TH: ลำโพง
HE: רמקול
AE: مكبر صوت منفصل
- EN:** Alert Slider
es-MX: Alert Slider
VN: Alert Slider
TH: Alert Slider
HE: Alert Slider
AE: Alert Slider

- EN:** Power Sleep/Wake
es-MX: Encendido Suspendor
VN: Nút Sleep/Wake
TH: ปุ่มเปิด/ปิด
HE: כפתור שינה/תעורר
AE: زر سكون/تنشيط
- EN:** Volume
es-MX: Volumen
VN: Nút Âm Lượng
TH: ปุ่มเสียง
HE: כפתור עוצמת קול
AE: زر مستوى الصوت
- EN:** USB Type-C port
es-MX: Puerto USB tipo C
VN: Cổng USB Type-C
TH: พอร์ต USB Type-C
HE: פורט USB טיפוס C
AE: منفذ USB من النوع C
- EN:** Nano SIM Slot
es-MX: Ranura nano SIM
VN: khe SIM Nano
TH: ช่องใส่ซิมการ์ด
HE: שקע סים ננו
AE: منفذ سيم



Version 121

EN

Welcome
Welcome to the OnePlus family! We're thrilled you've chosen OnePlus. This guide will help you get the most out of your new device. Read through this quick start guide carefully to ensure safe and proper use of your device.

Get Support
Please visit the [oneplus.com/privacy-and-legal](#) page to find more information on our warranty and return policy. You can also reach out to OnePlus Customer Support by visiting [oneplus.com/support](#).

Regulatory Information
You can check our Regulatory labels by following the steps: Settings > About device > Regulatory

Frequency Bands and Power
According to Directive 2014/53/EU, the frequency bands and transmitting power (radiated and/or conducted) nominal limits applicable to this radio equipment are as follows:
GSM900, XXdBm; GSM1800, XXdBm;
UMTS Band 1S, XXdBm;
LTE FDD Band 1, XXdBm; Band 3/8/20/28, XXdBm; Band 7, XXdBm;
LTE TDD Band 38/40, XXdBm; Band 41, XXdBm;
5G NR Band n1/n3, XXdBm; Band n28, XXdBm; Band n41, XXdBm;
Band n65/n20, XXdBm; Band n3, XXdBm; Band n77/n40, XXdBm;
Band n77/n78, XXdBm;
Bluetooth, XXdBm; Wi-Fi 2.4G, XXdBm;
Wi-Fi 5G 5150-5350MHz, XXdBm; 5470-5725MHz, XXdBm;
5725-5850MHz, XXdBm; NFC 13.56MHz, 402µA/m at 10m;
Wireless Power Charging 110-148.5kHz, XXdBµA/m at 10m.

Learn More
For more information, please download the complete guide on [www.oneplus.com/support/manuals](#).
This manual is for reference only, the actual product shall prevail.
The information is subject to change without notice.

Model: CP1245/CP1249

es-MX

Bienvenido
¡Bienvenido a la familia OnePlus! Estamos encantados de que haya elegido OnePlus. Esta guía le ayudará a aprovechar al máximo su nuevo dispositivo. Lea cuidadosamente esta guía de inicio rápido para asegurar su uso adecuado y seguro de su dispositivo.

Obtener soporte
Visite la página [oneplus.com/privacy-and-legal](#) para obtener más información sobre nuestra garantía y política de devoluciones. También puede ponerse en contacto con Soporte a clientes OnePlus visitando [oneplus.com/support](#).

Información regulatoria
Puede revisar nuestras Etiquetas regulatorias siguiendo los pasos: Ajustes > Acerca del dispositivo > Regulatorio

Bandas de frecuencia y potencia
Bandas de frecuencia y potencia
De acuerdo con la Directiva 2014/53/EU, los límites nominales de las bandas de frecuencia y potencia de transmisión (radiadas y/o conducidas) aplicables para este equipo de radio son los siguientes:
GSM900, XXdBm; GSM1800, XXdBm;
UMTS 1S, XXdBm;
Banda LTE FDD 1, XXdBm; Banda 3/8/20/28, XXdBm; Banda 7, XXdBm;
Banda LTE TDD 38/40, XXdBm; Banda 41, XXdBm;
Banda 5G NR n1/n3, XXdBm; Banda n28, XXdBm; Banda n41, XXdBm;
Banda n65/n20, XXdBm; Banda n3, XXdBm; Banda n77/n40, XXdBm;
Banda n77/n78, XXdBm;
Bluetooth, XXdBm; Wi-Fi 2.4G, XXdBm;
Wi-Fi 5G 5150-5350MHz, XXdBm; 5470-5725MHz, XXdBm;
5725-5850MHz, XXdBm; NFC 13.56MHz, 402µA/m at 10m;
Wireless Power Charging 110-148.5kHz, XXdBµA/m at 10m.

Conocer más
Si desea obtener más información, descargue la guía completa en [www.oneplus.com/support/manuals](#).
Este manual es solo para consulta, el producto real prevalecerá.
La información está sujeta a cambios sin previo aviso.

Modelo: CP1245/CP1249

VN

Chào Mừng
Chào mừng đến gia đình OnePlus! Chúng tôi rất vui mừng khi bạn chọn OnePlus. Hướng dẫn này sẽ giúp bạn tận dụng tối đa thiết bị mới của mình. Đọc kỹ hướng dẫn nhanh đồng hành này một cách cẩn thận để đảm bảo sử dụng thiết bị của bạn an toàn và đúng cách.

Nhận Hỗ Trợ
Vui lòng truy cập trang [oneplus.com/privacy-and-legal](#) để tìm thêm thông tin về chính sách bảo hành và chế độ của chúng tôi. Bạn cũng có thể liên hệ với bộ phận Hỗ Trợ Khách Hàng của OnePlus bằng cách truy cập [oneplus.com/support](#).

Thông Tin Quy Định
Thông tin quy định có thể được tìm thấy trên thiết bị của bạn bằng cách truy cập thông qua "Giới thiệu về Điện thoại" được tìm thấy trong menu "Cài đặt".

Dải Tần Số và Công Suất
Thiết bị TH 2014/53/EU các giới hạn định mức của dải tần số và công suất phát (bức xạ và/hoặc dẫn điện) áp dụng cho thiết bị vô tuyến này như sau:
GSM900, XX dBm; GSM1800, XX dBm;
UMTS 1S, XX dBm;
Băng tần UMTS 1S, XX dBm;
Băng tần LTE FDD 1, XX dBm; Băng tần LTE FDD 3/8/20/28, XX dBm;
Băng tần LTE TDD 38/40, XX dBm; Băng tần LTE TDD 41, XX dBm;
Băng tần 5G NR n1/n3, XX dBm; Băng tần 5G NR n28, XX dBm;
Băng tần 5G NR n41, XX dBm; Băng tần 5G NR n65/n20, XX dBm; Băng tần 5G NR n3, XX dBm; Băng tần 5G NR n77/n40, XX dBm;
Băng tần 5G NR n77/n78, XX dBm;
Bluetooth, XX dBm; Wi-Fi 2.4G, XX dBm;
Wi-Fi 5G 5150-5350 MHz, XX dBm; 5470-5725 MHz, XX dBm;
5725-5850 MHz, XX dBm; NFC 13.56 MHz, 402 µA/m tại 10 m;
Wireless Power Charging 110-148.5 kHz, XX dBµA/m tại 10m.

Tìm hiểu thêm
Để biết thêm thông tin, vui lòng tải về hướng dẫn đầy đủ trên [www.oneplus.com/support/manuals](#).
Hướng dẫn này chỉ mang tính tham khảo, sản phẩm thực tế sẽ được áp dụng. Các thông tin có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Kiểu máy: CP1245/CP1249

TH

ยินดีต้อนรับ
ยินดีต้อนรับสู่ครอบครัว OnePlus! เราตื่นเต้นที่คุณได้เลือก OnePlus. คู่มือนี้จะช่วยให้คุณได้ประโยชน์สูงสุดจากอุปกรณ์ใหม่ของคุณ. โปรดอ่านคู่มือฉบับนี้อย่างละเอียดเพื่อให้แน่ใจว่าคุณสามารถใช้งานอุปกรณ์ได้อย่างปลอดภัยและเหมาะสม.

ขอความช่วยเหลือ
กรุณาเยี่ยมชม [oneplus.com/privacy-and-legal](#) เพื่อหาข้อมูลเพิ่มเติมเกี่ยวกับนโยบายการรับประกันและเงื่อนไขการคืนสินค้า. นอกจากนี้คุณยังสามารถติดต่อฝ่ายสนับสนุนลูกค้าของ OnePlus ได้ที่ [oneplus.com/support](#).

ข้อมูลข้อกำหนด
คุณสามารถตรวจสอบฉลากข้อกำหนดของเราได้โดยทำตามขั้นตอนต่อไปนี้:

แถบความถี่และกำลังส่ง
ตามข้อกำหนดของ Directive 2014/53/EU, แถบความถี่และกำลังส่ง (ที่แผ่รังสีและ/หรือที่นำ) ขีดจำกัดที่กำหนดไว้สำหรับอุปกรณ์วิทยุไร้สายนี้คือ:
GSM900, XX dBm; GSM1800, XX dBm;
UMTS Band 1S, XX dBm;
LTE FDD Band 1, XX dBm; LTE FDD Band 3/8/20/28, XX dBm;
LTE TDD Band 38/40, XX dBm; LTE TDD Band 41, XX dBm;
5G NR Band n1/n3, XX dBm; Band n28, XX dBm; Band n41, XX dBm;
Band n65/n20, XX dBm; Band n3, XX dBm; Band n77/n40, XX dBm;
Band n77/n78, XX dBm;
Bluetooth, XX dBm; Wi-Fi 2.4G, XX dBm;
Wi-Fi 5G 5150-5350 MHz, XX dBm; 5470-5725 MHz, XX dBm;
5725-5850 MHz, XX dBm; NFC 13.56 MHz, 402 µA/m at 10m;
Wireless Power Charging 110-148.5 kHz, XX dBµA/m at 10m.

เรียนรู้เพิ่มเติม
สำหรับข้อมูลเพิ่มเติม, กรุณาดาวน์โหลดคู่มือฉบับสมบูรณ์ที่ [www.oneplus.com/support/manuals](#).
คู่มือนี้เป็นเพียงข้อมูลอ้างอิงเท่านั้น, ผลิตภัณฑ์จริงจะมีความสำคัญ.
ข้อมูลนี้อาจมีการเปลี่ยนแปลงโดยไม่ต้องแจ้งให้ทราบล่วงหน้า.

รุ่น: CP1245/CP1249

HE

ברוכים הבאים
ברוכים הבאים למשפחת OnePlus! אנו נשועים שבחרתם ב-OnePlus. מדריך זה יסייע לכם להפיק את המירב מהמכשיר החדש שלכם. אנא קראו בקפדנות את המדריך החדש הזה כדי להבטיח את השימוש הנכון במכשיר.

קבלת תמיכה
נא לבדוק מדריך נוסף כדי להרחיק זמנית מהחומרה שלכם. כדי לדעת עוד יותר, אתם יכולים גם לנסות להרחיק זמנית את המכשיר שלכם. אתם יכולים גם לנסות להרחיק זמנית את המכשיר שלכם.

מידע בנושאי תקינה
המידע לגבי תקינה של המכשיר, נא לא "אזנות מסוכר" בדפים "מדריך".

פס דריס והספק
על פי הורח 2014/53/EU, הספק העומדים על פס הדריס של המכשיר הוא:
GSM900, XXdBm; GSM1800, XXdBm;
UMTS Band 1S, XXdBm;
LTE FDD Band 1, XXdBm; LTE FDD Band 3/8/20/28, XXdBm;
LTE TDD Band 38/40, XXdBm; LTE TDD Band 41, XXdBm;
5G NR Band n1/n3, XXdBm; Band n28, XXdBm; Band n41, XXdBm;
Band n65/n20, XXdBm; Band n3, XXdBm; Band n77/n40, XXdBm;
Band n77/n78, XXdBm;
Bluetooth, XXdBm; Wi-Fi 2.4G, XXdBm;
Wi-Fi 5G 5150-5350 MHz, XXdBm; 5470-5725 MHz, XXdBm;
5725-5850 MHz, XXdBm; NFC 13.56 MHz, 402µA/m at 10m;
Wireless Power Charging 110-148.5kHz, XXdBµA/m at 10m.

מדע נוסף
עבור מידע נוסף, אנא הידור הימלא בדוכנים [www.oneplus.com/support/manuals](#).
מדריך זה נועד להיות כמדריך, המידע המדע נועד להיות כמדריך, המידע המדע נועד להיות כמדריך.

מודל: CP1245/CP1249

AE

مرحباً
مرحباً بكم في عائلة OnePlus! نحن في غاية السعادة لمشارك OnePlus. سوف يساعدك هذا الدليل على الحصول على أقصى استفادة من جهازك الجديد. اقرأ دليل بدء التشغيل السريع بعناية لتضمن استخدام جهازك بأمان وبشكل سليم.

الحصول على الدعم
الرجاء زيارة صفحة [oneplus.com/privacy-and-legal](#) لمعرفة مزيد من المعلومات حول سياسة الخصوصية وإلزام الخاصة بنا. يمكنك أيضاً الوصول إلى دعم عملاء OnePlus عن طريق زيارة [oneplus.com/support](#).

المعلومات التنظيمية
يمكن العثور على المعلومات التنظيمية في الجهاز الخاص بك من خلال "حول الجهاز" الموجودة في قائمة "إعدادات".

معلومات التردد والطاقة
وفقاً للموجّه 2014/53/EU، فإن نطاقات التردد، دليل الموجات، ألبت المشعة أو الموصلة أو الموصلة، تتطابق على جهاز الترددات الخلفي على النحو التالي:
GSM900, XXdBm; GSM1800, XXdBm;
UMTS Band 1S, XXdBm;
LTE FDD Band 1, XXdBm; LTE FDD Band 3/8/20/28, XXdBm;
LTE TDD Band 38/40, XXdBm; LTE TDD Band 41, XXdBm;
5G NR Band n1/n3, XXdBm; Band n28, XXdBm; Band n41, XXdBm;
Band n65/n20, XXdBm; Band n3, XXdBm; Band n77/n40, XXdBm;
Band n77/n78, XXdBm;
Bluetooth, XXdBm; Wi-Fi 2.4G, XXdBm;
Wi-Fi 5G 5150-5350 MHz, XXdBm; 5470-5725 MHz, XXdBm;
5725-5850 MHz, XXdBm; NFC 13.56 MHz, 402µA/m at 10m;
Wireless Power Charging 110-148.5kHz, XXdBµA/m at 10m.

أعرف المزيد
لمزيد من المعلومات، يرجى تنزيل الدليل الكامل من خلال [www.oneplus.com/support/manuals](#).
هذا الدليل هو مجرد مرجع فقط، ينبغي اعتماد المعلومات الفعلية الخاصة بالمنتج. تمنع المعلومات للتغيير دون إخطار.

النموذج: CP1245/CP1249

Created Together with Our Community ©
©2022 OnePlus All Rights Reserved